

Thông tin thêm: Bệnh dịch hạch là bệnh có khả năng lây lan nhanh và nguy hiểm do tỉ lệ tử vong cao, từ 30–60%. Bệnh có thể xảy ra ở mọi lứa tuổi, cả nam và nữ, nhưng chủ yếu ở người dưới 20 tuổi; dễ xảy ra tại nơi đông đúc, chật chội, nơi có điều kiện vệ sinh kém (chuột dễ sinh sống) hoặc vùng có nền đất cát (bọ chét sinh sống); thường xảy ra vào mùa khô, phù hợp với mùa phát triển của vật trung gian truyền bệnh là chuột và bọ chét. Các dấu hiệu và triệu chứng của bệnh dịch hạch có thể bao gồm: đột ngột sốt và ớn lạnh, đau đầu, mệt mỏi hoặc khó chịu.

Một số động vật là trung gian truyền bệnh: bọ chét, chuột, rắn, ...

Luyện tập

* Địa phương em đã sử dụng những biện pháp nào để phòng trừ động vật gây hại?

Các biện pháp nào phòng trừ động vật gây hại mà các địa phương có thể áp dụng?

- Tuyên truyền về diệt muỗi và bọ gậy;
- Vệ sinh môi trường định kì;
- Vệ sinh cá nhân hàng ngày;
- Tiêm phòng (đặc biệt cho trẻ em và người già);
- Chọn các loại giống kháng sâu bệnh;
- Gieo trồng đúng thời vụ để tránh sâu bệnh;
- Sử dụng bẫy và hàng rào chắn côn trùng;
- Khuyến khích nuôi động vật ăn môi, sử dụng thiên địch. Đây được xem là phương pháp an toàn nhất để kiểm soát dịch hại.

Thông qua các nội dung thảo luận và luyện tập trên, GV hướng dẫn để HS rút ra kết luận về một số tác hại của động vật trong đời sống.

GV hướng dẫn HS đọc thêm trong SGK để thấy được ngoài những tác hại, động vật có vai trò quan trọng trong tự nhiên và thực tiễn: là thức ăn cho nhiều loài động vật, cung cấp nguồn thực phẩm giàu protein, hỗ trợ sức kéo, làm cảnh, hỗ trợ công tác an ninh, ...

Vận dụng

* Đóng vai là nhà khoa học, em hãy điều tra về một số động vật có tầm quan trọng đối với nền kinh tế địa phương theo hướng dẫn.

Gợi ý đáp án tóm tắt trong bảng sau:

TT	Tên động vật	Cách nuôi	Thức ăn chăn nuôi	Sản phẩm cung cấp cho con người	Vai trò
1	Lợn	Nuôi theo hộ gia đình/ trang trại	Thức ăn công nghiệp/ thức ăn dư thừa/ thức ăn tự chế biến, ...	Thịt	Cung cấp thức ăn hằng ngày, phân bón
2	Cá			Thịt	Cung cấp thức ăn hằng ngày, làm cảnh
3	Bò			Thịt	Cung cấp thức ăn hằng ngày, phân bón, sức kéo
4	Gà, vịt			Thịt, trứng	Cung cấp thức ăn hằng ngày, phân bón, lông
...

C. HƯỚNG DẪN GIẢI BÀI TẬP

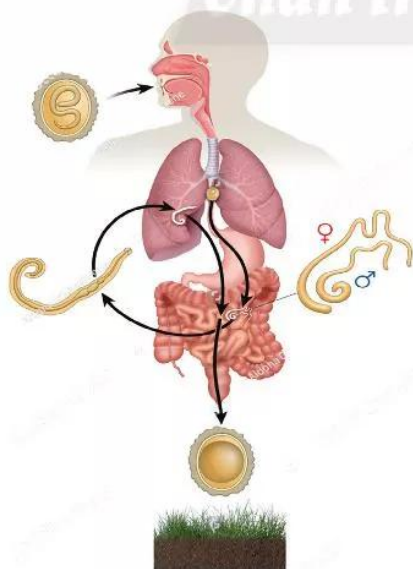
1. a) Kể tên: bướm, voi, ngựa, chim, khỉ, ốc sên, đĩa, gà, chim cánh cụt.

b) Sơ đồ phân chia các động vật trong hình bên thành hai nhóm động vật không xương sống và động vật có xương sống.



2. 1 – c 2 – d 3 – b 4 – a

3. Các biện pháp phòng chống giun kí sinh ở người:



Vòng đời giun đĩa ở người

- Vệ sinh tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh;
- Lau dọn nhà cửa, vật dụng, đồ chơi thường xuyên với nước sát trùng;
- Luôn ăn thức ăn đã nấu chín, nước đun sôi để nguội;
- Hạn chế ăn rau sống; nếu cần, rửa rau nhiều lần với nước rửa rau chuyên dụng.

4. a) Giai đoạn sâu.

b) Biện pháp phòng trừ sinh học: sử dụng các loài thiên địch để tiêu diệt sâu hại.



THỰC HÀNH QUAN SÁT VÀ PHÂN LOẠI ĐỘNG VẬT NGOÀI THIÊN NHIÊN (1 tiết)

MỤC TIÊU

1. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân tìm hiểu các nhóm động vật xung quanh nơi em sống;
- Giao tiếp và hợp tác: Gương mẫu, phối hợp các thành viên trong nhóm hoàn thành các nội dung về mô tả đặc điểm các nhóm động vật, vẽ sơ đồ các nhóm động vật; Đánh giá kết quả đạt được của nhóm để nhận thấy động vật đa dạng xung quanh ta;
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng nhận dạng đặc điểm các đại diện động vật và xây dựng tiêu chí phân loại nhóm; Viết báo cáo, trình bày và thảo luận về sơ đồ đa dạng các nhóm động vật.

2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Nhận biết được những nhóm động vật có thể có tại địa điểm nghiên cứu;
- Tìm hiểu tự nhiên: Quan sát hoặc chụp ảnh được các loài động vật ngoài thiên nhiên;
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Thực hành kể tên, phân loại được một số động vật và phân chia chúng vào các nhóm theo các tiêu chí phân loại; Gọi tên được một số động vật có trong thực tiễn và nhận biết được vai trò của chúng trong chăn nuôi.

3. Phẩm chất

- Khách quan, trung thực, có trách nhiệm trong buổi thực hành;
- Kiên trì, tỉ mỉ, cẩn thận trong quá trình quan sát, thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng;
- Ham học hỏi, khám phá sự đa dạng trong thế giới thực vật;
- Có ý thức sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường, bảo vệ các loài động vật trong vườn trường và khu dân cư, đặc biệt các loài động vật có giá trị kinh tế.

Dựa vào mục tiêu của bài học và nội dung các hoạt động của SGK, GV lựa chọn phương pháp và kĩ thuật dạy học phù hợp để tổ chức cho HS tham gia các hoạt động học tập một cách hiệu quả và tạo hứng thú cho HS trong quá trình tiếp nhận kiến thức, hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất liên quan đến bài học; đặc biệt phát triển kĩ năng quan sát, rèn luyện tính cẩn thận, kiên trì.

A. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Phương pháp quan sát;
- Phương pháp làm tiêu bản thực hành;
- Phương pháp học tập qua trải nghiệm;
- Kỹ thuật trò chơi;
- Sử dụng tranh ảnh, mẫu vật thật hoặc bản trình chiếu slide;
- Sử dụng các phương tiện dạy học trong phòng thí nghiệm.

B. TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Chuẩn bị

Thực hiện như hướng dẫn trong SGK.

2. Cách tiến hành

Hoạt động 1: Quan sát và phân loại một số đại diện động vật ngoài thiên nhiên

Nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS sưu tầm (chụp ảnh) một số đại diện động vật ngoài thiên nhiên; xác định nơi sống, sự phân bố của các nhóm động vật.

Lưu ý: Nếu thời tiết mưa bão, GV có thể thiết kế một video về thế giới động vật ở vùng địa lí đặc trưng giúp các em có sự nhận dạng về đa dạng sinh học ở vùng đó.

Tổ chức dạy học: GV lựa chọn địa điểm thuận lợi, an toàn, phù hợp với điều kiện địa phương. GV tổ chức cho HS tham quan quan sát, nhận biết một số đại diện thuộc các nhóm động vật đã học. GV chia lớp thành các nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm. Có thể giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm làm bộ sưu tập ảnh của một nhóm động vật khác nhau hoặc cùng một nhiệm vụ cho các nhóm thi đua với nhau về số lượng và chất lượng của bộ sưu tập. Sau đó, GV gợi ý và định hướng cho HS các nội dung dưới đây.

1. Lập bảng báo cáo kết quả thực hành phân loại hình ảnh về động vật đã quan sát và chụp lại.

Nhóm động vật	Đặc điểm	Môi trường sống
Ruột khoang	Cơ thể đối xứng toả tròn. Phương thức sống dị dưỡng.	Nước
Giun	Cơ thể hình trụ, có thể có phân đốt. Sống tự do hoặc kí sinh.	Nước, cạn, trên cơ thể sinh vật khác
Thân mềm	Đối xứng 2 bên, có vỏ xoắn hoặc hai mảnh vỏ bằng đá vôi.	Nước, nơi ẩm
Chân khớp	Đối xứng 2 bên, có bộ xương ngoài bằng chitin. Hô hấp bằng ống khí, mang.	Đa dạng các loại môi trường
Cá	Hình cá, bên ngoài phủ vảy. Hô hấp bằng mang.	Nước